

Phụ biểu 03.1

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

(Kèm theo Báo cáo số /BC- SNNPTNT ngày /02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQ G	A	B	C	Tổng số	QTQ G	A	B	C
		(1)=(2) +(7)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Chuẩn bị đầu tư											
1	Số dự án được quyết định chủ trương trong kỳ	2	2			0	2					
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong kỳ	10	10			1	9					
II	Thực hiện đầu tư	0	0			0	0					
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	12	12			3	9					
a	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>	3	3			1	2					
b	<i>Số dự án khởi công mới trong kỳ</i>	9	9			2	7					
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin GSDG trong kỳ	12	12			3	9					
3	Số dự án chưa thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin GSDG trong kỳ											
4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện)											
5	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ											
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ (theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán)											
a	<i>Không phù hợp với quy hoạch</i>											
	<i>Phê duyệt không đúng thẩm quyền</i>											
b	<i>Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm định dự án</i>											

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQ G	A	B	C	Tổng số	QTQ G	A	B	C
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ <i>(theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)</i>											
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ <i>(theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)</i>											
a	<i>Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>											
b	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>											
9	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	3	3			3						
a	<i>Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư</i>	3	3			3						
b	<i>Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng</i>											
c	<i>Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu</i>											
d	<i>Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời</i>											
đ	<i>Số dự án chậm do các nguyên nhân khác</i>											
10	Số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ											
11	Số dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư trong kỳ	5	5		0	5						
a	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>	2	2			2						
b	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>											
c	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư</i>	3	3			3						
d	<i>Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác</i>											

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQ G	A	B	C	Tổng số	QTQ G	A	B	C
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau											
13	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	11	8			1	10					
a	<i>Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ</i>	109	109			12	97					
-	Chi định thầu	87	87			8	79					
-	Đấu thầu hạn chế											
-	Đấu thầu rộng rãi	21	21			4	17					
-	Hình thức khác	1	1			0	1					
b	<i>Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ</i>											
-	Đấu thầu không đúng quy định											
-	Ký hợp đồng không đúng quy định											
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng											
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	4	4			1	3					
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	4	4			1	3					
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	1	1			1						
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ	1	1			1						
a	<i>Số dự án đã đưa vào vận hành</i>	1	1			1						
b	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)</i>											
c	<i>Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ</i>											

Ghi chú:

- QTQG: Dự án quan trọng quốc gia
- Phân loại dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư công.

-	Ký hợp đồng không đúng quy định											
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng											
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	2			2	4			1	3		
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	2			2	4			1	3		
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ					1			1			
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ					1			1			
<i>a</i>	<i>Số dự án đã đưa vào vận hành</i>					1			1			
<i>b</i>	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)</i>											
<i>c</i>	<i>Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ</i>											

Ghi chú: Trường hợp dự án sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn (ODA, NSTW, NSĐP, vốn ĐTC khác) thì được tính trong tất cả các cột tương ứng với nguồn vốn sử dụng. Ví dụ: dự án sử dụng cả vốn ODA và vốn NSTW (trong nước) thì dự án đó được tổng hợp ở cả cột (1) và cột (6).

Phụ biểu 07
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A, B, C SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
(Năm 2023)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo	Luỹ kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển nguồn)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ⁸ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ⁹ (nếu có)	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI												
II	Dự án nhóm B												
1	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi (ADB9)	Sở NNPTNT	553,998	2,141	2,141	2,141		X					
2	Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa	SNNPTNT	460	NSTW, NSĐP	41,54	41,54	97,5						
III	Dự án nhóm C												
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối)	Sở NNPTNT	70,0	66,5	51,807	50,558		X					
2	Dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Sơn Tịnh (Hồ Vàng, Hồ Đèo, Đá Chồng)	Sở NNPTNT	65,0	53,0	52,183	51,357	7,0	X					

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo	Luỹ kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển nguồn)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ⁸ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ⁹ (nếu có)	Chậm tiến độ
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long	SNNPTNT	30	NSTW, NSDP	28,47	27							
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sở Hầu, thị xã Đức Phổ	SNNPTNT	20	NSTW	19,298	19,298							
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	SNNPTNT	12	Ngân sách tỉnh, huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	4,226	5,000	5,500	Đã báo cáo năm 2022					Đang đề nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh thời gian dự án đảm bảo thực hiện theo thực tế và Kế hoạch
6	Hệ thống cấp nước liên xã Tịnh Bắc - Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh		15		0,970	4,706	4,000	Đã báo cáo năm 2022					
7	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức		9		2,097	3,500	3,000	Đã báo cáo năm 2022					
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP												
II	Dự án nhóm B												
1	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011-2020	SNNPTNT	376,556	NSTW và ĐP	115,531403	115,531	2	x					
III	Dự án nhóm C												

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo	Luỹ kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển nguồn)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ⁸ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ⁹ (nếu có)	Chậm tiến độ
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	TTNSVSM T	13	Ngân sách tỉnh, huyện, xã	9,100	9,100		Đã báo cáo năm 2022					
C	DỰ ÁN KẾT THÚC ĐẦU TƯ TRONG KỲ												
II	Dự án nhóm B												
1	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2)	Sở NNPTNT	143,936	2,628	2,628	2,628		X					
III	Dự án nhóm C												
1	Dự án Nâng cấp, sửa chữa, hoàn thiện hạ tầng các cảng cá, cảng neo trú tàu thuyền (Lý Sơn, Sa Huỳnh, Sa Kỳ, Tịnh Hòa và Mỹ Á)	SNNPTNT	32	NSĐP	30,377	30,096							